TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 21/2019/DS-ST Ngày: 24-10-2019 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thanh và bà Phan Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 09 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Văn Thị Kim L; nơi cư trú: Khối M, thị trấn Y, huyện Y , tỉnh Nghệ An (có mặt).

- *Bị đơn*:

Ông Hoàng Văn S; nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Th (vợ ông S); nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 09 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Văn Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 12/07/ 2015 Bà và vợ chồng ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị Th có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi.

Ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị Th đã mua thức chăn nuôi như sau:

Ngày 18/07/2015: Bà Th mua cám giá trị 8.600.000 đồng.

Ngày 27/07/2015: Ông S mua cám giá trị 7.400.000 đồng.

Ngày 08/08/2015: Ông S mua cám giá trị 11.100.000 đồng.

Ngày 25/08/2015: Bà Th mua cám giá trị 5.500.000 đồng.

Ngày 02/10/2015: Bà Th mua cám giá trị 3.350.000 đồng.

Tổng số giá trị tiền hàng ông S, bà Th mua là 35.950.000 đồng.

Ngày 03/08/2015: Ông S, bà Th trả 6.000.000 đồng tiền hàng.

Ngày 05/09/2015: Ông S, bà Th trả 8.500.000 đồng tiền hàng.

Số tiền hàng ông S, bà Th còn nợ là (35.950.000 đồng – 14.500.000 đồng) = 21.450.000 đồng.

Nay Bà yêu cầu ông S, bà Th trả số tiền hàng còn nợ là 21.450.000 đồng.

Tại bản tự khai đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Năm 2015 Bà và chồng là ông Hoàng Văn S có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với bà Vũ Thị Kim L.

Từ ngày 18/07/2015 đến ngày 12/10/2015 vợ chồng bà lấy hàng thức ăn chăn nuôi của bà Vũ Thị Kim L, có tổng giá trị 35.950.000 đồng.

Vợ chồng Bà đã trả cho bà L 14.500.000 đồng tiền hàng. Hiện nay còn nợ 21.450.000 đồng tiền hàng.

Nay bà L yêu cầu trả số nợ tiền mua hàng 21.450.000 đồng thì gia đình bà chấp nhận nhưng xin trả dần vì gia đình đang còn khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của bà L, bà Th tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vắng mặt phiên họp không có lý do, bà Th có mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp và đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp cho ông S.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông S, bà Th nhưng bà Th có mặt, ông S vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng Văn S là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

-Vào ngày 12/07/2015 bà Văn Thị Kim L và vợ chồng ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị Th có ký hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi nên ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị Th đã mua thức chăn nuôi của bà L như sau:

Ngày 18/07/2015: Bà Th mua cám giá trị 8.600.000 đồng.

Ngày 27/07/2015: Ông S mua cám giá trị 7.400.000 đồng.

Ngày 08/08/2015: Ông S mua cám giá trị 11.100.000 đồng.

Ngày 25/08/2015: Bà Th mua cám giá trị 5.500.000 đồng.

Ngày 02/10/2015: Bà Th mua cám giá trị 3.350.000 đồng.

Tổng giá trị tiền hàng ông S, bà Th mua là 35.950.000 đồng.

Ngày 03/08/2015: Ông S, bà Th trả 6.000.000 đồng tiền hàng.

Ngày 05/09/2015: Ông S, bà Th trả 8.500.000 đồng tiền hàng.

Số tiền hàng ông S, bà Th còn nợ 21.450.000 đồng.

Nay Bà yêu cầu ông S, bà Th trả số tiền hàng còn nợ 21.450.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Th thừa nhận từ ngày 18/07/2015 đến ngày 12/10/2015 vợ chồng Bà lấy hàng thức ăn chăn nuôi của bà Vũ Thị Kim L, có tổng giá trị 35.950.000 đồng, vợ chồng Bà đã trả 14.500.000 đồng. Hiện nay còn nợ bà L 21.450.000 đồng tiền hàng.

Nay bà L yêu cầu trả 21.450.000 đồng tiền hàng thì gia đình Bà chấp nhận nhưng xin trả dần vì gia đình đang gặp khó khăn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông Hoàng Văn S, bà Nguyễn Thị Th đều không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do bà Văn Thị Kim L cung cấp và không có yêu cầu phản tố. Chứng cứ hợp đồng mua bán, sổ theo dõi ký nhận mua hàng không bị tẩy, xóa, có chữ ký bên người bán hàng Văn Thị Kim L, có chữ ký của người mua hàng là Hoàng Văn S, Nguyễn Thị Th.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khẳng định chứng cứ mà bà Văn Thị Kim L cung cấp là hợp lệ.

Bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Hoàng Văn S) thừa nhận vợ chồng Bà còn nợ bà L 21.450.000 đồng tiền hàng, và xin trả dần.

Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Kim L là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị Th trả số tiền hàng 21.450.000 đồng cho bà Văn Thị Kim L.

Về việc trả lãi: Bà Văn Thị Kim L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của bà Văn Thị Kim L được chấp nhận nên ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.450.000 đồng x 5% = 1.072.500 (Một triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Văn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 430, 431, 432, 433, 436, 440, 453 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị Kim L.

2. Buộc ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho bà Văn Thị Kim L số tiền hàng 21.450.000 (Hai mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Án phí:

Ông Hoàng Văn S và bà Nguyễn Thị Th phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 1.072.500 (Một triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

Bà Văn Thị Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 537.000đ (Năm trăm ba mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000063 ngày 09 tháng 09 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành.

4. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ